

Bạc Liêu, ngày 20 tháng 9 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 282 /QĐ-ĐHBL ngày 20 / 9 /2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Bạc Liêu)*

Tên chương trình đào tạo: Nông nghiệp

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: Chính quy

Ngành đào tạo: **Chăn nuôi**

Mã số: 7620105

Chuyên ngành đào tạo: **Chăn nuôi**

1. Mục tiêu đào tạo

*** Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân ngành Chăn nuôi có kiến thức chuyên ngành vững chắc, có thái độ lao động nghiêm túc và có đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe; có khả năng hợp tác và quản lý nguồn lực; khả năng thích ứng với công việc đa dạng ở các cơ quan khoa học, quản lý sản xuất, doanh nghiệp hoặc tự tạo lập công việc sản xuất và dịch vụ trong lĩnh vực chăn nuôi.

*** Mục tiêu cụ thể**

- Trang bị cho sinh viên trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng và an ninh, năng lực ngoại ngữ phù hợp và năng lực công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành;

- Rèn luyện sinh viên có tác phong chuyên nghiệp, có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng học tập suốt đời, nghiên cứu khoa học, khả năng thích ứng và làm việc trong môi trường đa văn hóa và trong bối cảnh toàn cầu hóa; có sức khỏe, đạo đức, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội;

- Đào tạo sinh viên viên có năng lực làm việc trong các ngành nghề phù hợp với chuyên môn; có năng lực học tập sau đại học ngành Chăn nuôi và các ngành có liên quan.

2. Chuẩn đầu ra

A. Kiến thức		MĐ CDR
1.1	Ứng dụng thành thạo các kiến thức lý thuyết sâu, rộng, kiến thức thực tế vững chắc trong lĩnh vực chăn nuôi - thú y như thiết kế, xây dựng chuồng trại; chăm sóc và nuôi dưỡng; chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh trên gia súc, gia cầm.	4
1.2	Hiểu và giải thích được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, giáo dục quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất. Từ đó làm nền tảng tiếp thu tốt khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành chăn nuôi.	3
1.3	Vận dụng được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin trong học tập và trong công tác.	3
1.4	Ứng dụng thành thạo các kiến thức chuyên môn để lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các hoạt động cụ thể của ngành như: bệnh truyền nhiễm, dịch tễ học, kiểm nghiệm sản phẩm động vật, luật thú y để lựa chọn, đề xuất xây dựng và tổ chức thực hiện các quy trình phòng - trị bệnh cho vật nuôi, vệ sinh môi trường chăn nuôi để bảo vệ sức khỏe của con người và vật nuôi.	4
1.5	Vận dụng sáng tạo kiến thức đã học vào việc quản lý, điều hành các hoạt động như sản xuất - kinh doanh và chuyển giao khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực chăn nuôi – thú y.	5
B. Kỹ năng		
2.1	Hiểu và giải thích các vấn đề phức tạp phát sinh trong thực tế liên quan đến công việc chuyên ngành Chăn nuôi.	3
2.2	Hiểu và vận dụng kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	3
2.3	Thực hành thành thạo kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện mới để phù hợp với tình hình thực tiễn sản xuất.	4
2.4	Thực hành thành thạo hoạt động chuyên môn, nhận xét, đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và đánh giá kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	4

2.5	Ứng dụng sáng tạo kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; có thể chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.	5
2.6	Hiểu và giải thích các vấn đề trong học tập, công tác hoặc giao tiếp với người nước ngoài dựa vào kỹ năng ngoại ngữ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	3
C. Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm		
3.1	Tổ chức làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm hiệu quả, nhất là trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong hoạt động và công tác.	3
3.2	Hiểu và giải thích kiến thức đã học để hướng dẫn và giám sát những người khác thực hiện các nhiệm vụ xác định.	3
3.3	Thực hành thành thạo công việc chuyên môn để tự định hướng, đưa ra kết luận chính xác và bảo vệ được quan điểm cá nhân.	4
3.4	Ứng dụng sáng tạo trong việc lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.	5

Ghi chú: 1. Biết – 2. Tham gia – 3. Hiểu và giải thích – 4. Thực hành thành thạo – 5. Sáng tạo

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: (tính bằng số tín chỉ)

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ

Trong đó: Tổng số tín chỉ bắt buộc: 90 tín chỉ

Tổng số tín chỉ tự chọn: 40 tín chỉ

Môn điều kiện:

- + Học phần giáo dục quốc phòng – an ninh
- + Học phần giáo dục thể chất

Nội dung thực hiện theo Quyết định 1982/QĐ – TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc Phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam; Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo về việc xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ; Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo về việc ban hành Quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết

định mở ngành đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 619/QĐ – ĐHBL của Hiệu trưởng trường Đại học Bạc Liêu ngày 13/11/2019 về việc Ban hành quy định xây dựng và hoàn thiện Chương trình đào tạo của Trường Đại học Bạc Liêu.

4. Đối tượng tuyển sinh

4.1 Phạm vi và đối tượng tuyển sinh

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên.

- Phạm vi tuyển sinh toàn quốc

4.2 Phương thức tuyển sinh

Theo đề án tuyển sinh của trường Đại học Bạc Liêu và được cập nhật hàng năm trên trang web tuyển sinh của trường.

5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quyết định 547/QĐ-ĐHBL ngày 21/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ.

6. Phương thức đánh giá

Thực hiện theo Quyết định 547/QĐ-ĐHBL ngày 21/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ.

7. Nội dung chương trình đào tạo

7.1 Khung chương trình đào tạo

STT	Mã số HP	Khối kiến thức và các học phần	Số TC	Cấu trúc học phần
1		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	36	
1.1		Các học phần bắt buộc	30	
1	SS2001	Triết học Mác – Lênin	3	45LT
2	SS2002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	30LT
3	SS2003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30LT
4	SS2004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30LT
5	SS2005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30LT
6	SS0014	Pháp luật đại cương	2	30LT
7	SS0015	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30LT
8	SS0010	Tin học căn bản	3	30LT+30 TH
9	SS0011	Tiếng Anh căn bản 1	3	45LT
10	SS0012	Tiếng Anh căn bản 2	3	45LT
11	SS0013	Tiếng Anh căn bản 3	3	45LT
12	SS2022	Sinh học đại cương	2	30LT
13	SS2023	TT. Sinh học đại cương	1	30TH

1.2		Các học phần tự chọn	6/12	
1	SS2017	Toán cao cấp (*)	3	45 LT
2	SS2020	Vật lý đại cương (*)	2	20LT+20TH
3	SS2032	Hoá học đại cương (*)	2	20LT+20TH
4	SS2019	Xác suất thống kê (*)	2	30LT
5	SS0016	Tâm lý học đại cương (*)	2	30LT
6	SS2024	Kinh tế học đại cương (*)	2	30LT
1.3		Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh	14	
1	SS0030	Giáo dục thể chất (**)	3	90 TH
2	SS0031	Giáo dục quốc phòng – an ninh (**)	11	265 TH
Cộng: 36 TC (Bắt buộc: 30 TC; Tự chọn ít nhất: 6 TC), không tính các TC của học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh và các học phần Giáo dục thể chất. Học phần (**): điều kiện bắt buộc phải có, nhưng không tính trong trung bình chung tích lũy; Học phần (*): tự chọn				
2		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	100	
2.1		Kiến thức cơ sở ngành	22	
2.1.1		<i>Các học phần bắt buộc</i>	16	
1	AS2100	Cơ thể học động vật	2	20LT+20TH
2	AS2101	Dinh dưỡng động vật	2	20LT+20TH
3	AS2102	Sinh lý động vật	2	20LT+20TH
4	AS2103	Vi sinh chăn nuôi – thú y	2	20LT+20TH
5	AS2104	Tiếng anh chuyên ngành	2	30LT
6	AS2105	Dược lý thú y	2	20LT+20TH
7	AS2106	Miễn dịch học	2	20LT+20TH
8	AS2107	Dịch tễ học	2	20LT+20TH
2.1.2		<i>Các học phần tự chọn</i>	6/16	
1	AS2108	Kỹ năng mềm	2	30LT
2	AS2109	Marketing trong nông nghiệp	2	20LT+20TH
3	AS2110	Tổ chức học động vật	2	20LT+20TH
4	AS2111	Động vật học	2	20LT+20TH
5	AS2112	Trồng trọt đại cương	2	30LT
6	AS2113	Nưn nghiệp đại cương	2	30LT
7	AS2114	Ứng dụng GIS & Viễn thám trong nông nghiệp	2	30LT
8	AS2115	Xây dựng, thẩm định và Quản trị dự án	2	20LT+20TH

2.2		Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)	49	
2.2.1		<i>Các học phần bắt buộc</i>	31	
1	AS2200	Thức ăn chăn nuôi	2	20LT+20TH
2	AS2201	Chăn nuôi gia cầm	2	20LT+20TH
3	AS2202	Chăn nuôi gia súc nhai lại	2	20LT+20TH
4	AS2203	Chăn nuôi heo	2	20LT+20TH
5	AS2204	Bệnh ký sinh vật nuôi	2	20LT+20TH
6	AS2205	Bệnh truyền nhiễm thú y	2	20LT+20TH
7	AS2206	Sản khoa & gieo tinh nhân tạo	2	20LT+20TH
8	AS2207	Thực tập tay nghề 1	2	60TH
9	AS2208	Thực tập tay nghề 2	3	90TH
10	AS2209	Thực tập tay nghề 3	4	120TH
11	AS2210	Tham quan thực tế Chăn nuôi - thú y	2	60TH
12	AS2211	Nội khoa	2	20LT+20TH
13	AS2212	Ngoại khoa	2	20LT+20TH
14	AS2213	Chẩn đoán xét nghiệm	2	20LT+20TH
2.2.2		<i>Các học phần tự chọn</i>	18/26	
1	AS2214	Chăn nuôi động vật hoang dã	2	20LT+20TH
2	AS2215	Vệ sinh môi trường chăn nuôi	2	20LT+20TH
3	AS2216	Chăn nuôi thỏ	2	20LT+20TH
4	AS2217	Công nghệ thức ăn động vật	2	20LT+20TH
5	AS2218	Nuôi động vật thí nghiệm	2	20LT+20TH
6	AS2219	Tin học ứng dụng Chăn nuôi & thú y	2	20LT+20TH
7	AS2220	Xây dựng chuồng trại	2	20LT+20TH
8	AS2221	Vệ sinh vật nuôi	2	20LT+20TH
9	AS2222	Khuyến nông	2	20LT+20TH
10	AS2223	Quản lý sản xuất chăn nuôi	2	20LT+20TH
11	AS2224	Chăn nuôi thú cưng	2	20LT+20TH
12	AS2225	Luật Chăn nuôi - Thú y	2	20LT+20TH
13	AS2226	Chăn nuôi ong	2	20LT+20TH
2.3		Kiến thức bổ trợ	13	
2.3.1		<i>Các học phần bắt buộc</i>	13	

1	AS2300	Sinh học phân tử	2	30LT
2	AS2301	TT. Sinh học phân tử	1	30TH
3	AS2302	Sinh hóa đại cương	2	20LT+20TH
4	AS2303	Di truyền học động vật	2	20LT+20TH
5	AS2304	Chọn giống và nhân giống vật nuôi	2	20LT+20TH
6	AS2305	Phương pháp bố trí thí nghiệm và xử lý số liệu	2	20LT+20TH
7	AS2306	Kiểm nghiệm sản phẩm động vật	2	20LT+20TH
2.3.2		<i>Các học phần tự chọn</i>	0	
2.4		Thực tập nghề nghiệp và làm Khóa luận tốt nghiệp	10/20	
1	AS2400	Khóa luận tốt nghiệp (*)	10	300TH
2	AS2401	Tiểu luận tốt nghiệp (*)	4	120TH
3	AS2402	Tổng hợp kiến thức cơ sở ngành (*)	3	45LT
4	AS2403	Tổng hợp kiến thức chuyên ngành (*)	3	45LT

Ghi chú: - TH: Thực hành; LT: Lý thuyết

- Học phần (**): điều kiện bắt buộc phải có, nhưng không tính trong trung bình chung tích lũy;

- Học phần (*): tự chọn

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ

Trong đó: Tổng số tín chỉ bắt buộc: 90 tín chỉ

Tổng số tín chỉ tự chọn: 40 tín chỉ

Môn điều kiện: + Học phần giáo dục quốc phòng – an ninh
+ Học phần giáo dục thể chất.

7.2 Mô tả các học phần

Mục tiêu và tóm tắt nội dung chính của các học phần trong chương trình đào tạo

TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN (SS2001)

Môn Triết học Mác –Lênin gồm 3 chương:

Chương 1 Trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin.

Chương 2 Trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Chương 3 Trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN (SS2002)

Môn kinh tế chính trị Mác - Lênin là môn khoa học xã hội nằm trong hệ thống các môn lý luận chính trị, được giảng dạy theo giáo trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo biên soạn.

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC (SS2003)

Nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (SS2004)

Cùng với môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Môn học gồm 6 chương trình bày những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.

LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (SS2005)

Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 – 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018). Qua đó, chúng tôi khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng, để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG (SS0014)

Nội dung gồm ba phần chính:

Phần 1. Những nội dung cơ bản về Nhà nước: Nguồn gốc, khái niệm, bản chất nhà nước, chức năng nhà nước, hình thức nhà nước, kiểu và bộ máy nhà nước.

Phần 2. Những nội dung cơ bản về pháp luật: Nguồn gốc, khái niệm, bản chất, chức năng và vai trò pháp luật, các kiểu và hình thức pháp luật, quy phạm pháp luật và hệ thống pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

Phần 3. Một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (SS0015)

Học phần cung cấp những thông tin, những kiến thức cơ bản, các bước trong nghiên cứu khoa học, những kỹ thuật cần thiết để tiếp cận phương pháp thí nghiệm, thu thập số liệu, cách trình bày các kết quả nghiên cứu, cách viết bài báo cáo khoa học và cách thuyết trình trước đám đông.

TIN HỌC CĂN BẢN (SS0010)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về công nghệ thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.

TIẾNG ANH CĂN BẢN 1 (SS0011)

Học phần trang bị cho sinh viên học tiếng Anh không chuyên tại Trường Đại học Bạc Liêu. Học phần này cung cấp những kiến thức tiếng Anh cơ bản nhằm giúp sinh viên đạt được kết quả ở Mức 3 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định chuẩn Ngoại ngữ của nhà trường.

TIẾNG ANH CĂN BẢN 2 (SS0012)

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức tiếng Anh ở mức độ trung cấp về chủ đề môi trường, xã hội ở các nước nói tiếng Anh như ngoại ngữ thứ hai.

Học phần này còn trang bị cho sinh viên những kiến thức về thực hành tiếng Anh thông qua các kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết nhằm đáp ứng sinh viên tiến gần đến kết quả đạt được ở Mức 3 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam và theo Quy định của trường yêu cầu.

TIẾNG ANH CĂN BẢN 3 (SS0013)

Học phần cung cấp kiến thức tiếng Anh cho sinh viên ở mức độ nâng cao. Học phần này trang bị kiến thức và kỹ năng thực hành tiếng Anh với các chủ đề của học phần. Qua đó, giúp sinh viên đạt trình độ năng lực tiếng Anh ở Mức 3 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam và Quy định của trường yêu cầu.

SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG (SS2022)

Cung cấp cho sinh viên khối ngành sinh học kiến thức đại cương về sinh học tế bào, di truyền học đại cương. Là cơ sở để sinh viên có thể tiếp tục các môn chuyên ngành sinh lý thực vật, động vật, sinh hóa...

TT. SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG (SS2023)

Học phần cung cấp kiến thức đại cương, rèn luyện kỹ năng làm tiêu bản về tế bào, phân loại các ngành động, thực vật.

TOÁN CAO CẤP (SS2017)

Môn học nghiên cứu các kiến thức về đại số tuyến tính, bao gồm: định thức, ma trận, hệ phương trình tuyến tính; các kiến thức cơ bản về giới hạn, tính liên tục, phép tính vi tích phân của hàm một biến, cực trị hàm nhiều biến.

VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG (SS2020)

Môn học này cung cấp kiến thức cơ bản về các dạng chuyển động của chất điểm; Các lực liên kết tác dụng lên vật; Ba định luật bảo toàn; Mối quan hệ giữa các thông số trạng thái, Phương trình của khí thực và khí lý tưởng; Trường tĩnh điện - sự tương tác giữa các hạt mang điện đứng yên, Giới thiệu các loại mạch điện và các thiết bị điện cơ bản, từ trường, hiện tượng cảm ứng điện từ; Tính chất của ánh sáng khi truyền qua các môi trường, lăng kính, thấu kính, các hiện tượng giao thoa, khúc xạ, nhiễu xạ ánh sáng. Các loại tia phóng xạ và biện pháp an toàn đối với tia phóng xạ.

HÓA HỌC ĐẠI CƯƠNG (SS2032)

Môn học Hóa Đại cương bao gồm Cấu tạo chất và Cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học. Phần Cấu tạo chất cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thuyết nguyên tử, phân tử, cấu tạo nguyên tử và liên kết hóa học. Phần Cơ sở lý thuyết quá trình hóa học khảo sát về nhiệt hóa học, nhiệt động hóa học, động hóa học, cân bằng hóa học, dung dịch và điện hóa học.

XÁC SUẤT - THỐNG KÊ (SS2019)

Học phần giới thiệu đến sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng trong Kinh tế gồm: biến cố ngẫu nhiên, xác suất và các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất; lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, hồi qui và tương quan tuyến tính.

TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG (SS0016)

Môn Tâm lý học đại cương giới thiệu những kiến thức cơ bản về tâm lý con người: Những vấn đề cơ bản của tâm lý học đại cương: đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của tâm lý học. Các khái niệm cơ bản: tâm lý, ý thức hoạt động, giao tiếp, nhân cách. Các hoạt động tâm lý người: nhận thức, tình cảm, ý chí.

KINH TẾ HỌC ĐẠI CƯƠNG (SS2024)

Học phần môn học gồm có 3 phần, Phần chung và 6 chương gồm hai nội dung chính thuộc 2 lĩnh vực: Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô.

GIÁO DỤC THỂ CHẤT (SS0030)

- **Bóng bàn:** môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn Bóng bàn các bài tập phát triển thể lực, phương pháp trọng tài và thi đấu. Các biện pháp phòng ngừa và khắc phục những sai sót trong quá trình học tập, các bài tập thả lỏng và hồi phục sau tập luyện môn Bóng bàn.

- **Bóng chuyền:** Bao gồm những nội dung kiến thức và kỹ thuật cơ bản như sau:

- Lịch sử hình thành và phát triển môn Bóng chuyền;
- Các bài tập khởi động chung và chuyên môn;
- Tư thế chuẩn bị và các bước di động;
- Kỹ thuật chuyền bóng cao tay;
- Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (đệm bóng);
- Kỹ thuật phát bóng;
- Kỹ thuật đập bóng;
- Kỹ thuật chắn bóng;
- Luật bóng chuyền và các phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài bóng chuyền.

- **Bóng đá:**

Lý thuyết: Trang bị cho sinh viên kiến thức khái quát về môn bóng đá; sơ lược lịch sử hình thành và phát triển, các nguyên tắc, phương pháp huấn luyện, giảng dạy môn thể thao nâng cao, các nguyên lý và phương pháp thực hiện kỹ - chiến thuật trong tập luyện, thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu - trọng tài.

Thực hành: Trang bị và hoàn thiện cho sinh viên các kỹ thuật cơ bản và một số kỹ thuật nâng cao của môn bóng đá, các chiến thuật trong thi đấu, các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn, tạo nền tảng thể lực để thực hiện tốt các kỹ - chiến thuật.

Năng lực vận dụng: Sinh viên biết cách vận dụng các kỹ năng cơ bản trong thi đấu, nắm được luật thi đấu phương pháp làm trọng tài, tổ chức thi đấu.

- Vovinam:

Lý thuyết: Nắm được lịch sử môn học, một số điều luật cơ bản trong Vovinam - Việt võ đạo. Phương pháp trọng tài cơ bản, Trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản trong môn Vovinam - Việt võ đạo, những tôn chỉ và nguyên tắc, sự tâm niệm của môn Vovinam - Việt võ đạo, võ đạo đi đôi đạo đức và lòng tin.

Thực hành: Sinh viên thực hiện thành những kỹ năng, kỹ thuật cơ bản, các bộ pháp, tấn pháp, cước pháp, quyền pháp, đòn thế tấn công và tự vệ.

Quyền pháp: sinh viên học Khởi Quyền và Thập Tự Quyền, phát triển thể lực chuyên chung và chuyên môn.

CƠ THỂ HỌC ĐỘNG VẬT (AS2100)

Học phần bao gồm các nội dung chính sau: Giới thiệu tổng quan về cơ thể học vật nuôi; Đặc điểm cấu tạo của bộ xương gia súc, gia cầm, các loại khớp trong một cơ thể; Đặc điểm cấu tạo, vị trí, chức năng của hệ cơ, hệ thần kinh, mạch máu, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu - sinh dục, chức năng hoạt động của hệ nội tiết, cơ quan cảm giác trong cơ thể và đặc điểm, cấu tạo cơ thể học của gia cầm.

DINH DƯỠNG ĐỘNG VẬT (AS2101)

Môn học này giới thiệu về dinh dưỡng học, cấu tạo hoá học của cơ thể động vật và của thức ăn, sự tiêu hoá và hấp thu các chất như protein, carbohydrate, chất béo, khoáng và các acid amin. Môn học này cũng giới thiệu về hệ thống giá trị dinh dưỡng, mức tiêu hoá, chỉ số protein và nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi cho nhu cầu duy trì, tăng trưởng, sinh sản và sản xuất trứng.

SINH LÝ ĐỘNG VẬT (AS2102)

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức nghiên cứu về các hoạt động sống của những động vật đã được con người chọn lọc cải tạo qua một thời gian dài. Trọng tâm của môn học đi sâu vào những kiến thức về các hoạt động sinh lý ở các tổ chức, cơ quan trong cơ thể các loài gia súc gia cầm. Vận dụng kiến thức vào giải thích các quá trình dinh dưỡng và ứng dụng vào thực tiễn sản xuất để phục vụ nhu cầu của con người.

VI SINH CHĂN NUÔI – THÚ Y (AS2103)

Nội dung học phần tập trung vào hai phần chính là phần vi sinh vật học đại cương và vi sinh vật trong tự nhiên. Nội dung môn học bao gồm những kiến thức về lịch sử quá trình phát sinh và phát triển của ngành vi sinh vật, những thành tựu đã đạt được và những

triển vọng của ngành vi sinh vật đối với đời sống và sản xuất. Trọng tâm của môn học đi sâu vào những kiến thức về cấu trúc, chức năng và các hoạt động sống của vi sinh vật.

TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH (AS2104)

Nội dung của học phần bao gồm các kiến thức chuyên môn, các thuật ngữ chuyên ngành về hệ thống chăn nuôi, dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi, kỹ thuật nuôi gia súc-gia cầm.

DƯỢC LÝ THÚ Y (AS2105)

Học phần này sẽ cung cấp cho người học những kiến thức về dược động học, dược lực học, cơ chế tác dụng và áp dụng điều trị của các thuốc đại diện trong từng nhóm. Phân tích được các quá trình ảnh hưởng đến số phận của thuốc trong cơ thể, cơ chế tác dụng của các nhóm thuốc tiêu biểu, tác dụng không mong muốn và độc tính của thuốc để biết cách phòng và xử trí, khả năng kê được các toa thuốc đúng nguyên tắc, đúng chuyên môn và đúng pháp lý. Có trách nhiệm và chuẩn xác trong công tác điều trị bệnh cho vật nuôi.

MIỄN DỊCH (AS2106)

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về hệ thống miễn dịch của cơ thể, cấu trúc và chức năng của kháng nguyên và kháng thể, đáp ứng và cơ chế điều hoà đáp ứng miễn dịch, nguyên lý kết hợp đặc hiệu giữa kháng nguyên và kháng thể, các kỹ thuật miễn dịch ứng dụng trong chẩn đoán bệnh và nguyên lý bảo quản và sử dụng các loại vắc xin phòng bệnh. Các kiến thức thu nhận được trong quá trình học tập môn học này sẽ giúp sinh viên làm quen với bản chất của hệ thống miễn dịch cơ thể và hiểu rõ hơn tầm quan trọng của hệ thống miễn dịch đối với bảo vệ sức khoẻ con người và các loài động vật.

DỊCH TỄ HỌC (AS2107)

Dịch tễ học là môn học ứng dụng thống kê và nhiều ngành khoa học khác để nghiên cứu sự phân bố bệnh, các yếu tố liên quan đến bệnh trong một quần thể xác định. Ứng dụng trong việc xác định nguyên nhân gây bệnh và kiểm soát dịch bệnh. Các kiến thức thu nhận được trong quá trình học tập môn học này sẽ giúp sinh viên giải quyết các vấn đề có liên quan đến sức khỏe và dịch bệnh của động vật, nghiên cứu xác định nguyên nhân gây bệnh cùng các yếu tố nguy cơ hình thành dịch bệnh, từ đó định hướng cho công tác phòng chống bệnh động vật.

KỸ NĂNG MỀM (AS21078)

Kỹ năng mềm là môn học cung cấp là cung cấp các kỹ năng giao tiếp hiệu quả, Kỹ năng lắng nghe, kỹ năng nói và truyền đạt thông tin, kỹ năng đóng góp ý kiến và tiếp nhận ý kiến khi làm việc nhóm, kỹ năng tiếp nhận đóng góp ý kiến của người khác, kỹ năng giải quyết các xung đột, kỹ năng thuyết phục.

MARKETING TRONG NÔNG NGHIỆP (AS2109)

Những nội dung chính của chương trình: đặc điểm của sản xuất nông nghiệp có ảnh hưởng đến chiến lược hay kế hoạch marketing, phân tích thực trạng ngành hàng hay sản phẩm bao gồm phân tích hành vi của người tiêu dùng và phân khúc thị trường của ngành hàng nông nghiệp, phân tích hành vi sản xuất của nông hộ hay doanh nghiệp sản xuất sản phẩm nông nghiệp (chiến lược sản phẩm, chiến lược phân phối, chiến lược giá và chiến lược chiêu thị), thông qua sử dụng công cụ SWOT.

TỔ CHỨC HỌC ĐỘNG VẬT (AS2110)

Học phần giúp sinh viên có kiến thức đại cương về cấu trúc và chức năng của tế bào động vật. Sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức về:

- Cấu tạo, nhiệm vụ và phân loại biểu mô, mô liên kết, mô cơ và mô thần kinh.
- Đặc điểm vi thể của các hệ thống: nội tiết, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu và sinh dục trong cơ thể động vật.
- Thực hành quan sát các tiêu bản mô dưới kính hiển vi để biết và phân biệt các loại mô trong các điều kiện sinh lý khác nhau.

ĐỘNG VẬT HỌC (AS2111)

Nội dung của môn học trình bày: Sinh học động vật giới thiệu sơ lược về lịch sử phát triển của động vật, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo tế bào động vật, các phương pháp nghiên cứu sinh học động vật, cái nhìn tổng quát về tập tính động vật và sự đa dạng của sinh thái. Đây là cơ sở để sinh viên có thể học tiếp các môn chuyên ngành sinh học và nông nghiệp.

TRỒNG TRỌT ĐẠI CƯƠNG (AS2112)

Học phần nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về lĩnh vực trồng trọt như sinh lý thực vật, đất trồng trọt, phân bón, canh tác và bảo vệ thực vật cho sinh viên nông nghiệp thuộc các ngành không phải là Trồng trọt như ngành Nuôi trồng thủy sản, Chăn nuôi và Thú y của trường Đại học Bạc Liêu.

NGƯ NGHIỆP ĐẠI CƯƠNG (AS2113)

- Giới thiệu tổng quan nghề cá.
- + Lịch sử phát triển Nghề cá trên thế giới, ở Việt Nam và ở Đồng Bằng Sông Cửu Long.
- + Xu thế phát triển của nghề cá.
- Môi trường nước trong nuôi thủy sản.
- Có kiến thức và hiểu biết về hoạt động sống của thủy sản

- Đặc điểm sinh học của một số loài tôm, cá có giá trị kinh tế.
- Có kiến thức hiểu biết về nuôi trồng và sản xuất giống thủy sản.
- Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

ỨNG DỤNG GIS VÀ VIỄN THÁM TRONG NÔNG NGHIỆP (AS2114)

Môn học giúp cho sinh viên nắm vững phân lý thuyết về các đặc điểm, nguyên lý của công nghệ GIS và viễn thám, nắm được nguyên lý các phương pháp xử lý, giải đáp các bài toán bản đồ số; vận dụng những kiến thức được trang bị để xử lý và giải đáp các bài toán ứng dụng trong nông nghiệp. Đánh giá được vai trò và hiệu quả của ứng dụng GIS và viễn thám trong quản lý nông nghiệp.

XÂY DỰNG THẨM ĐỊNH VÀ QUẢN TRỊ DỰ ÁN (AS2115)

Học phần môn học gồm có 5 chương. Trong đó, Chương 1: Nhập môn phân tích dự án phát triển nông thôn; Chương 2: Xây dựng dự án phát triển nông thôn; Chương 3: Phân tích dự án và thẩm định dự án; Chương 4: Thực hiện dự án phát triển nông thôn; Chương 5: Giám sát và đánh giá dự án phát triển nông thôn.

THỨC ĂN CHĂN NUÔI (AS2200)

Môn học này giới thiệu về đặc tính dinh dưỡng cũng như các độc tố của từng loại thực liệu thức ăn và phương pháp chế biến, phối hợp thức ăn cho vật nuôi.

CHĂN NUÔI GIA CẦM (AS2201)

Môn học này giới thiệu cho sinh viên biết rõ về ý nghĩa kinh tế của ngành chăn nuôi gia cầm, đặc điểm sinh học và sản xuất của gia cầm, kỹ thuật ấp trứng, giống và công tác giống gia cầm, dinh dưỡng và thức ăn gia cầm, giới thiệu kỹ thuật chăn nuôi gia cầm chủ yếu là gà và vịt. Bên cạnh đó, môn học này cũng cung cấp kiến thức về vệ sinh phòng bệnh cho gia cầm.

CHĂN NUÔI GIA SÚC NHAI LẠI (AS2202)

Trình bày các khái niệm về các thuật ngữ dùng trong học phần, những chủ trương chính sách của VN và thế giới, cũng như vai trò và tầm quan trọng của ngành chăn nuôi GSNL trong thời đại ngày nay. Trình bày những kiến thức về những lợi ích, nhiệm vụ và các hoạt động chăn nuôi trâu, bò, dê và cừu. Những đặc điểm sinh học, tập tính và tiềm năng của GSNL về gìn giữ môi trường, sản xuất ra những sản phẩm như thịt, sữa, lông da, sức kéo, năng lượng, dược liệu, v.v... Mô tả kiến thức chi tiết về di truyền, giống, chuồng trại, dinh dưỡng, thức ăn, kỹ thuật nuôi dưỡng và phòng trị bệnh trong chăn nuôi GSNL.

CHĂN NUÔI HEO (AS2203)

Học phần này bao gồm các nội dung chủ yếu, quan trọng ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng sản phẩm như:

- Giống và công tác giống heo phải là tiền đề tốt.
- Thức ăn và khẩu phần ăn phải phù hợp với chức năng sinh lý và nhu cầu dinh dưỡng của từng loại heo.
- Chuồng trại phải tiện lợi và hợp vệ sinh để đảm bảo về vấn đề môi trường nhằm giúp heo phát huy tối đa về năng suất và chất lượng.
- Tổ chức và quản lý chăn nuôi hợp lý nhằm hạ giá thành sản phẩm và nâng cao giá bán ra thị trường để mang lại lợi nhuận cao cho người chăn nuôi.

BỆNH KÝ SINH VẬT NUÔI (AS2204)

Học phần này sẽ cung cấp cho người học những kiến thức về ký sinh trùng học đại cương và ký sinh trùng học chuyên khoa một cách đầy đủ về ký sinh trùng học đặc điểm hình thái, những tác hại của bệnh... để đề ra phương pháp phòng và trị bệnh hiệu quả.

BỆNH TRUYỀN NHIỄM THÚ Y (AS2205)

Phần bệnh truyền nhiễm đại cương: cung cấp cho học viên kiến thức về các nguyên nhân truyền nhiễm gây bệnh trên động vật, cơ chế lây bệnh, sự phát sinh dịch bệnh, đặc tính miễn dịch của cơ thể động vật đối với vi sinh vật gây bệnh. Nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm.

Phần bệnh chuyên khoa: Bao gồm Bệnh chung giữa động vật và người, Bệnh trâu bò, bệnh heo và bệnh gia cầm cung cấp cho học viên kiến thức về các nguyên nhân truyền nhiễm gây bệnh, tình hình dịch bệnh ở trong và ngoài nước, tính chất dịch tễ, triệu chứng, bệnh tích, cách chẩn đoán, phương pháp phòng và trị bệnh. Sinh viên sẽ được cung cấp kiến thức về cách mổ khám, cách lấy máu, cách chẩn đoán bệnh, cách sử dụng, sản xuất vaccine và kháng thể để phòng và trị bệnh gia súc gia cầm, cách phòng chống một số bệnh truyền nhiễm.

SẢN KHOA & GIEO TINH NHÂN TẠO (AS2206)

Học phần này sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về sản khoa và gieo tinh nhân tạo như sau:.

Phần sản khoa: sinh lý sinh sản gia súc đực và cái (cấu tạo chức năng cơ quan sinh dục gia súc đực và cái, tuổi thành thục, chu kỳ động dục, quá trình thụ tinh, mang thai và đẻ), kỹ thuật xác định gia súc lên giống, kỹ thuật chẩn đoán gia súc có thai, kỹ thuật đỡ đẻ và can thiệp đẻ khó ở gia súc.

Phần gieo tinh nhân tạo: phương pháp lấy tinh, kiểm tra – đánh giá chất lượng tinh dịch, kỹ thuật gieo tinh nhân tạo (gieo tinh tươi và tinh đông lạnh), công nghệ sản xuất tinh đông lạnh, công nghệ bảo tồn tinh dịch.

THỰC TẬP TAY NGHỀ 1 (AS2207)

Học phần này nhằm mục đích củng cố kiến thức chuyên ngành bằng cách tham gia vào thực tế công tác phòng chữa bệnh tại các cơ sở thú y địa phương. Qua đó, sinh viên vừa được rèn nghề, cũng như tiếp thu những kiến thức thực tế trong công tác chuyên môn của mình.

THỰC TẬP TAY NGHỀ 2 (AS2208)

Học phần này sinh viên sẽ được chia thành nhiều nhóm nhỏ, được gửi thực tập tại các trại hoặc cơ sở sản xuất Chăn nuôi-Thú y tiên tiến ở các tỉnh ĐBSCL và Miền Đông Nam Bộ trong thời gian 8-10 tuần. Tùy theo cơ sở thực tập, đối tượng vật nuôi mà sinh viên nắm vững các công việc cần được thực hiện hàng ngày theo yêu cầu của cơ sở hoặc trại; vận dụng các kiến thức đã được học vào thực tế chăn nuôi; đồng thời có sự hỗ trợ của cán bộ kỹ thuật, chủ trại giúp các sinh viên có được các kiến thức thực tế và kỹ năng sống, làm việc. Trong suốt thời gian thực tập, sinh viên phải viết nhật ký thực tập tại các trại hoặc cơ sở sản xuất làm cơ sở cho việc đánh giá kết quả môn học. Sau thời gian thực tập, sinh viên trở về trường báo cáo kết quả thực tập dựa trên nhận xét đóng góp của trại hoặc cơ sở sản xuất.

THỰC TẬP TAY NGHỀ 3 (AS2209)

Củng cố kiến thức chuyên ngành bằng cách tham gia vào thực tế về công tác thú y ở các cơ sở thực tập. Nâng cao tay nghề trong công tác thú y.

THAM QUAN THỰC TẾ CHĂN NUÔI THÚ Y (AS2210)

Giúp cho sinh viên hệ thống lại kiến thức các môn học, đặc biệt là ở các vùng sinh thái (ĐBSCL, miền đông nam bộ, duyên hải, cao nguyên), khí hậu và địa hình khác nhau. Thực tế tổng quan ngành còn là cơ hội để sinh viên tiếp cận các kỹ thuật tiên bộ mới, khu chăn nuôi công nghệ cao của mô hình sản xuất ở các trang trại, cách tổ chức sản xuất, tiêu thụ và xuất khẩu của các công ty, đặc biệt là các công ty có áp dụng các kỹ thuật công nghệ cao trong điều kiện ở Việt Nam. Qua đợt thực tập này, sinh viên còn được bổ sung thêm kiến thức cho các môn học, đồng thời cũng giúp cho sinh viên nâng cao nhận thức, định hướng được tầm quan trọng ngành nghề của mình trong việc phát triển nông nghiệp.

NỘI KHOA (AS2211)

Học phần này sẽ cung cấp cho người học những kiến thức về các bệnh xảy ra ở các cơ quan bên trong của cơ thể động vật và không truyền lây. Các nội dung mà học phần

này đề cập đến ở mỗi bệnh bao gồm: Nguyên nhân gây bệnh, cơ chế bệnh, phương pháp chẩn đoán, các triệu chứng của bệnh, tiên lượng bệnh, phương pháp phòng và điều trị bệnh.

NGOẠI KHOA (AS2212)

Giới thiệu làm quen với các dụng cụ ngoại khoa, ứng dụng các phương pháp khử trùng trên dụng cụ, con vật, người mổ, và các đối tượng có liên quan khác, ý nghĩa của sự chảy máu và các phương pháp cầm máu, ý nghĩa của việc gây mê, một số thuốc mê dùng trên gia súc, và các phương pháp gây mê, các trường hợp nhiễm trùng và phương pháp xử lý, vết thương và phương pháp cắt mô giải phẫu. Một số trường hợp ngoại khoa thường gặp trên gia súc như hernia, sa trực tràng, cắt sừng, mổ thai, mổ dạ cỏ.

CHẨN ĐOÁN XÉT NGHIỆM (AS2213)

Học phần chẩn đoán bệnh thú y được chia làm nội dung chính: phần đại cương cung cấp kiến thức về các khái niệm chẩn đoán bệnh, phương pháp khám bệnh & một trình tự khám bệnh cơ bản; phần chuyên khoa gồm phương pháp khám các hệ thống khí quan trong cơ thể: hệ tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu...

CHĂN NUÔI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ (AS2214)

Học phần giúp sinh viên có kiến thức đại cương về một số giống nuôi hoang dã đang phổ biến hiện nay và kỹ thuật nuôi như: nuôi cá sấu, ba ba, nuôi trăn, rắn, nhím,...trình bày một số bệnh thường gặp và biện pháp phòng trị.

VỆ SINH MÔI TRƯỜNG TRONG CHĂN NUÔI (AS2215)

Vệ sinh môi trường trong chăn nuôi là môn học cung cấp kiến thức cho sinh viên về nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường trong hoạt động của ngành chăn nuôi và thú y. Biết được cách quản lý và xử lý chất thải chăn nuôi để tái sử dụng trong trồng trọt, sản xuất thức ăn gia súc, Biogas và thủy sản; Các mô hình xử lý chất thải tại các trang trại Chăn nuôi; Vệ sinh nguồn nước và Chăn nuôi sạch.

CHĂN NUÔI THỎ (AS2216)

Nội dung học phần tập trung vào các nội dung về giới thiệu các giống thỏ được nuôi phổ biến hiện nay, về dinh dưỡng và thức ăn, cách thiết kế xây dựng chuồng trại, kỹ thuật nuôi dưỡng cũng như công tác phòng, trị bệnh cho thỏ.

CÔNG NGHỆ THỨC ĂN ĐỘNG VẬT (AS2217)

Môn học giới thiệu đại cương về công nghệ thức ăn gia súc, thành phần của công nghệ thức ăn gia súc, các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng của công nghệ thức ăn gia súc và các loại công nghệ thức ăn gia súc.

NUÔI ĐỘNG VẬT THÍ NGHIỆM (AS2218)

Học phần này giúp sinh viên nắm vững kiến thức về cách chọn giống, cách quản lý, chăm sóc nuôi dưỡng các động vật trước khi thí nghiệm và sau khi thí nghiệm. Cách cầm cột, tiêm chích, tiêm truyền, giải phẫu tìm bệnh tích... Xử lý động vật trong quá trình thí nghiệm và kết thúc thí nghiệm.

TIN HỌC ỨNG DỤNG CHĂN NUÔI THÚ Y (AS2219)

Học phần sẽ giúp cho người học nắm bắt được các bước căn bản trong thao tác phần mềm thống kê Minitab (version 13.2 và 16.0) bao gồm: hướng dẫn sử dụng, lập bảng tính, truy xuất kết quả thống kê, vẽ đồ thị và quản lý dữ liệu. Bên cạnh đó, việc ứng dụng Minitab trong thống kê mô tả có thể giúp người học hiểu rõ được các dạng dữ liệu thô, qua đó có thể xử lý và kiểm định một cách chính xác nhất. Người tham gia học phần này cũng tích lũy được kiến thức về bố trí thí nghiệm, phân tích phương sai, phân tích hồi quy và tương quan và trình bày số liệu thống kê đúng theo nguyên tắc của nghiên cứu khoa học.

XÂY DỰNG CHUỒNG TRẠI (AS2220)

Trang bị cho sinh viên các kiến thức về chuồng trại, mối quan hệ mật thiết giữa chuồng trại và vật nuôi, ảnh hưởng của các yếu tố môi trường lên vật nuôi, các giải pháp chuồng nuôi nhằm tạo điều kiện tối hảo cho vật nuôi đạt năng suất cao và chất lượng sản phẩm tốt. Ngoài ra, môn học còn giúp cho sinh viên có hiểu biết về các loại vật liệu xây dựng có liên quan và cách chọn các vật liệu đó phù hợp với từng vị trí địa lý, đồng thời hướng dẫn sinh viên biết cách thiết kế và xây dựng một trang trại chăn nuôi theo từng đối tượng vật nuôi, theo dõi thi công và đánh giá chất lượng công trình.

VỆ SINH THÚ Y (AS2221)

Sinh viên tham gia học phần sẽ được cung cấp những nội dung cơ bản và chuyên sâu về lĩnh vực vệ sinh thú y như sau: những nguyên tắc trong việc phòng chữa bệnh, chống dịch bệnh cho vật nuôi; vệ sinh môi trường không khí, vệ sinh môi trường nước, vệ sinh về đất trong chăn nuôi, vệ sinh chuồng trại, vệ sinh thức ăn và công tác vệ sinh an toàn dịch.

KHUYẾN NÔNG (AS2222)

Giúp cho sinh viên có kiến thức về lịch sử phát triển của khuyến nông thế giới, khuyến nông Việt Nam và tổng quan về khuyến nông. Đặc điểm của nông dân, các phương pháp giảng dạy và nhất là phương pháp giảng dạy cho nông dân. Các phương pháp khuyến nông, ưu khuyết điểm của các phương pháp và trường hợp ứng dụng của

từng phương pháp. Ứng dụng “Phát triển kỹ thuật có sự tham gia PTD” trong công tác khuyến nông. Kỹ năng cho hoạt động khuyến nông.

QUẢN LÝ SẢN XUẤT CHĂN NUÔI (AS2223)

Môn học giới thiệu về bản chất và tổ chức bộ máy quản lý trong các loại hình tổ chức kinh doanh nông nghiệp. Ngoài ra, môn học cũng giúp các em làm được kế hoạch sản xuất cũng như sử dụng được nguồn lao động trong kinh doanh nông nghiệp.

CHĂN NUÔI THÚ CỪNG (AS2224)

Học phần này giúp người học hiểu rõ hơn việc chăm sóc về các kỹ thuật chăn nuôi thú cảnh và vận dụng được vào trong quá trình chăm sóc và chăn nuôi các thú cảnh đặc biệt trên chó và mèo.

LUẬT CHĂN NUÔI – THÚ Y (AS2225)

Học phần luật Chăn nuôi và Thú y bao gồm 2 nội dung chính: Phần Thú y: Giới thiệu về tổ chức thú y thế giới (OIE), cơ cấu tổ chức ngành thú y từ trung ương tới địa phương. Giới thiệu hệ thống văn bản pháp luật về thú y và một số công ước quốc tế mà Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã tham gia. Phần Chăn nuôi: Giới thiệu về hệ thống quản lý trong chăn nuôi. Giới thiệu về Luật Chăn nuôi và những văn bản hiện hành về lĩnh vực chăn nuôi; giới thiệu qui trình đăng ký sản xuất, kinh doanh và qui định về nhãn hàng hóa.

CHĂN NUÔI ONG (AS2226)

Sinh viên sẽ học về kỹ thuật khai thác, bảo quản và ứng dụng các sản phẩm từ ong dựa vào đặc điểm sinh học tự nhiên của chúng. Sinh viên cũng có thể nhân giống ong theo nhiều phương pháp và có thể phòng chống được một số bệnh nguy hại đến ong và xử lý các trường hợp bất thường ở ong; Sinh viên thực tập các thao tác chăm sóc ong, đánh giá chất lượng các sản phẩm ong, thực hành tạo chúa nhân tạo, khai thác mật ong nội địa, quản lý và nhân đàn mới, sinh viên sẽ nhận dạng triệu chứng bệnh bằng hình ảnh slide, thấy được kỹ thuật khai thác mật ong trong rừng tràm. Sinh viên sẽ tham quan trại ong giống ong Ý lúc khai thác mật ong.

SINH HỌC PHÂN TỬ (AS2300)

Lịch sử ra đời và phát triển sinh học phân tử; Cấu trúc Axit nucleic; Vai trò và cơ chế hoạt động của Axit nucleic; Cấu trúc và chức năng của Protein; Phân lập DNA và phản ứng chuỗi Polymerase (PCR)

TT. SINH HỌC PHÂN TỬ (AS2301)

Trang thiết bị: công dụng, phương pháp vận hành và các thao tác ứng dụng trong sinh học phân tử; Phương pháp ly trích DNA; Kỹ thuật PCR (Polymerase Chain Reaction).

SINH HOÁ ĐẠI CƯƠNG (AS2302)

Học phần Sinh hoá cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các chu trình sinh hoá diễn ra trong cơ thể sinh vật như các chu trình chuyển hoá năng lượng, carbohydrate, protein, lipid cũng như vai trò và chức năng của các phân tử trong cơ thể sinh vật như acid nucleic, protein hay acid amine. Môn học cũng đồng thời cung cấp kiến thức về các biến đổi sinh hoá diễn ra trong cơ thể động vật thuỷ sản qua từng giai đoạn phát triển khác nhau cũng như vai trò của các chất có hoạt tính sinh học có mặt trong từng giai đoạn. Ngoài ra sinh viên cũng được trang bị các kỹ năng cần thiết để thực hiện các thí nghiệm cũng như các thao tác trong phòng thí nghiệm và trong quá trình làm thí nghiệm.

DI TRUYỀN ĐỘNG VẬT (AS2303)

Sinh viên sẽ được học về di truyền học cổ điển, di truyền học Mendel về quan niệm gen, quy luật giao tử thuần khiết, lai đơn tính, lai với hai hay nhiều cặp tính trạng, di truyền nhiễm sắc thể, di truyền học quần thể, bản chất của vật chất di truyền và tương tác gen.

CHỌN GIỐNG VÀ NHÂN GIỐNG VẬT NUÔI (AS2304)

Học phần này sẽ cung cấp cho người học những kiến thức về lịch sử công tác giống gia súc, quá trình hình thành giống vật nuôi, các qui luật phát triển của vật nuôi, các phương pháp đánh giá vật nuôi, chọn lọc, phối giống, nhân giống vật nuôi, ứng dụng công nghệ sinh học trong công tác chọn giống vật nuôi.

PHƯƠNG PHÁP BỐ TRÍ THÍ NGHIỆM VÀ XỬ LÝ SỐ LIỆU (AS2305)

Giúp cho sinh viên những kiến thức về tổng quan về dữ liệu sinh học, các dạng phân bố chính của dữ liệu, cách thu thập, sắp xếp và trình bày các dữ liệu, các phương pháp ước lượng tham số thống kê và kiểm định giả thiết thống kê. Biết cách phân tích mối tương quan giữa hai đại lượng ngẫu nhiên, biết cách tìm hệ số tương quan của hai đại lượng ngẫu nhiên, lập được phương trình hồi quy.

KIỂM NGHIỆM SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT (AS2306)

Môn học giới thiệu về cách chẩn đoán phân biệt và xác định chính xác các bệnh trên phủ tạng, hạch lâm ba liên quan đến bệnh trên quây thịt từ đó giúp các em vận dụng các kiến thức đã học từ các môn cơ sở và chuyên ngành vào thực tiễn khám và xác định

bệnh chính xác bệnh trên quây thịt. Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên có kiến thức và thao tác thực tế trong chẩn đoán phân biệt các bệnh nghề nghiệp, bệnh động vật lây sang người, bệnh truyền nhiễm trên động vật và các bệnh thường gặp trên gia súc gia cầm, nắm vững luật thú y trong xử lý khi kiểm soát sát sinh và kiểm dịch động vật có kiến thức về các kỹ thuật thiết kế xây dựng lò giết mổ gia súc gia cầm, các quy trình giết mổ quyết định chất lượng thịt động vật, các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thịt. Cuối cùng môn học giúp cho các em sinh viên có kiến thức và thao tác thực tế trong chẩn đoán phân biệt các bệnh nghề nghiệp, bệnh động vật lây sang người, bệnh truyền nhiễm trên động vật và các bệnh thường gặp trên gia súc gia cầm, nắm vững luật thú y trong xử lý khi kiểm soát sát sinh và kiểm dịch động vật.

THỰC TẬP TỐT NGHIỆP (AS2400)

Học phần này sẽ giúp sinh viên rèn luyện một số kỹ năng và thực hiện được một nghiên cứu khoa học về chuyên ngành Chăn nuôi Thú y: Qua việc làm đề cương nghiên cứu, bố trí thí nghiệm, thu thập và phân tích số liệu, viết và trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học theo hình thức thực tập tốt nghiệp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP (AS2401)

Học phần này sẽ giúp sinh viên rèn luyện một số kỹ năng và thực hiện được một nghiên cứu khoa học về lĩnh vực chăn nuôi hoặc thú y thông qua việc làm đề cương nghiên cứu, bố trí thí nghiệm, thu thập và phân tích số liệu, viết và trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học theo hình thức khóa luận tốt nghiệp.

TỔNG HỢP KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH (AS2402)

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức về các hoạt động sinh lý ở các cơ quan trong cơ thể động vật, sự tiêu hoá và hấp thu các chất như: protein, carbohydrate, chất béo, khoáng và các acid amin, mức tiêu hoá và nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi. Bên cạnh đó, môn học cũng giới thiệu về cấu trúc, chức năng và các hoạt động sống của vi sinh vật.

TỔNG HỢP KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH (AS2403)

Môn học này giới thiệu cho sinh viên biết rõ kỹ thuật chăn nuôi và cách vệ sinh phòng bệnh cho gia cầm, gia súc nhai lại và heo.

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

TT	MSHP	Học phần	Số tín chỉ	Cấu trúc học phần
Học kỳ 1				
1	SS2001	Triết học Mác – Lênin	3	45LT
2	SS0014	Pháp luật đại cương	2	30LT
3	SS0010	Tin học căn bản	3	30LT+30TH
4	SS2022	Sinh học đại cương	2	30LT
5	SS2023	TT. Sinh học đại cương	1	30TH
6	SS0011	Tiếng Anh căn bản 1	3	45LT
7	SS0030	Giáo dục thể chất 1(**)	1	30TH
8	SS2017	Toán cao cấp (*)	3	45LT
9	SS0016	Tâm lý học đại cương (*)	2	30LT
Tổng cộng 17TC (Bắt buộc 14, Tự chọn ít nhất 2, điều kiện 1)				
Học kỳ 2				
1	SS0031	Giáo dục quốc phòng – an ninh (**)	11	265TH
2	SS0030	Giáo dục thể chất 2 (**)	2	60TH
3	SS2002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	30LT
3	SS0011	Tiếng Anh căn bản 2	3	45LT
4	AS2302	Sinh hóa đại cương	2	20LT + 20TH
5	AS2300	Sinh học phân tử	2	30LT
6	AS2301	TT. Sinh học phân tử	1	30TH
7	AS2303	Di truyền học động vật	2	20LT + 20TH
8	SS2019	Xác suất thống kê (*)	2	30LT
9	SS2032	Hóa học đại cương (*)	2	20LT + 20TH
10	SS2020	Vật lý đại cương (*)	2	20LT + 20TH
11	SS2024	Kinh tế học đại cương (*)	2	30LT
Tổng cộng 29TC (Bắt buộc 12TC, Tự chọn ít nhất 4TC, điều kiện 13TC)				
Học kỳ 3				
1	SS2003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30LT
2	SS0012	Tiếng Anh căn bản 3	3	45LT
3	AS2102	Sinh lý động vật	2	20LT + 20TH
4	AS2100	Cơ thể học động vật	2	20LT + 20TH
5	AS2304	Chọn giống và nhân giống vật nuôi	2	20LT + 20TH
6	AS2103	Vi sinh chăn nuôi - thú y	2	20LT + 20TH
7	AS2101	Dinh dưỡng động vật	2	20LT + 20TH
8	AS2111	Động vật học (*)	2	20LT + 20TH
9	AS2108	Kỹ năng mềm (*)	2	30LT
10	AS2110	Tổ chức học động vật (*)	2	20LT+20TH
11	AS2109	Marketing trong nông nghiệp (*)	2	20LT+20TH

12	AS2112	Trồng trọt đại cương (*)	2	30LT
13	AS2113	Nưn nghiệp đại cương (*)	2	30LT
14	AS2114	Ứng dụng GIS & Viễn thám trong nông nghiệp (*)	2	30LT
15	AS2115	Xây dựng, thẩm định và Quản trị dự án (*)	2	20LT + 20TH
Tổng cộng 21 TC (Bắt buộc 15TC, Tự chọn 6TC)				
Học kỳ 4				
1	SS2004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30LT
2	AS2200	Thức ăn chăn nuôi	2	20LT + 20TH
3	AS2206	Sản khoa & gieo tinh nhân tạo	2	20LT + 20TH
4	AS2201	Chăn nuôi gia cầm	2	20LT + 20TH
5	AS2202	Chăn nuôi gia súc nhai lại	2	20LT + 20TH
6	AS2203	Chăn nuôi heo	2	20LT + 20TH
7	SS0015	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30LT
8	AS2224	Chăn nuôi thú cưng (*)	2	20LT + 20TH
9	AS2226	Chăn nuôi ong (*)	2	20LT + 20TH
10	AS2218	Nuôi động vật thí nghiệm (*)	2	20LT + 20TH
Tổng cộng 18 TC (Bắt buộc 14TC, Tự chọn 4TC)				
Học kỳ 5				
1	SS2005	Lịch sử Đảng cộng sản VN	2	30LT
2	AS2105	Dược lý thú y	2	20LT + 20TH
3	AS2107	Dịch tễ học	2	20LT+20TH
4	AS2106	Miễn dịch học	2	20LT + 20TH
5	AS2207	Thực tập tay nghề 1	2	60TH
6	AS2104	Tiếng anh chuyên ngành	2	30LT
7	AS2216	Chăn nuôi thỏ (*)	2	20LT + 20TH
8	AS2221	Vệ sinh vật nuôi (*)	2	20LT + 20TH
9	AS2214	Chăn nuôi động vật hoang dã (*)	2	20LT + 20TH
10	AS2217	Công nghệ thức ăn động vật (*)	2	20LT + 20TH
Tổng cộng 18TC (Bắt buộc 12TC, Tự chọn 6TC)				
Học kỳ 6				
1	AS2305	Phương pháp bố trí thí nghiệm và xử lý số liệu	2	20LT + 20TH
2	AS2211	Nội khoa	2	20LT + 20TH
3	AS2212	Ngoại khoa	2	20LT + 20TH
4	AS2213	Chẩn đoán xét nghiệm	2	20LT + 20TH
5	AS2204	Bệnh ký sinh vật nuôi	2	20LT + 20TH
6	AS2205	Bệnh truyền nhiễm thú y	2	20LT + 20TH
7	AS2208	Thực tập tay nghề 2	3	90TH
Tổng cộng 15TC (Bắt buộc 15TC, Tự chọn 0TC)				

Học kỳ 7				
1	AS2209	Thực tập tay nghề 3	4	120TH
2	AS2210	Tham quan thực tế Chăn nuôi – thú y	2	60TH
3	AS2306	Kiểm nghiệm sản phẩm động vật	2	20LT+20TH
4	AS2225	Luật chăn nuôi - thú y (*)	2	20LT + 20TH
5	AS2222	Khuyến nông (*)	2	20LT + 20TH
6	AS2223	Quản lý sản xuất chăn nuôi (*)	2	20LT + 20TH
7	AS2219	Tin học ứng dụng Chăn nuôi-thú y (*)	2	20LT + 20TH
8	AS2220	Xây dựng chuồng trại (*)	2	20LT + 20TH
9	AS2215	Vệ sinh môi trường chăn nuôi (*)	2	20LT + 20TH
Tổng cộng 16 TC (Bắt buộc 8TC, Tự chọn 8TC)				
Học kỳ 8				
1	AS2400	Khóa luận tốt nghiệp (*)	10	300TH
2	AS2401	Tiểu luận tốt nghiệp (*)	4	120TH
3	AS2402	Tổng hợp kiến thức cơ sở ngành (*)	3	45LT
4	AS2403	Tổng hợp kiến thức chuyên ngành (*)	3	45LT
Tổng số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy 10TC				

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 TC (không kể số tín chỉ cho học phần giáo dục quốc phòng và các học phần giáo dục thể chất).

Trong đó: + Số tín chỉ bắt buộc: 90 TC

+ Số tín chỉ tự chọn: 40 TC./.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Từ Diệp Công Thành